

Bản án số: 413/2026/DS-ST
Ngày 12-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Ông Lê Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 769/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 417/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1

Địa chỉ: T, A đường T, Phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, địa chỉ liên hệ: Số A Đại lộ H, phường N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 21-5-2025). (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

2. Bà **Cao Thị Thu Đ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị L**

2. Bà **Nguyễn Đức V**

Cùng địa chỉ: Khóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13-02-2025 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Đặng Minh H trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh C, dư nợ gốc và lãi vay tính đến hết ngày 10-02-2025 là 3.909.488.272 đồng, trong đó nợ gốc 3.620.000.000 đồng, nợ lãi 289.488.272 đồng.

Toàn bộ các khoản vay của khách hàng đã quá hạn, cụ thể dư nợ theo từng khoản vay tại các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 013/2023/16388633/HĐTD ngày 21-02-2023: tài khoản vay 404000725534 ngày 20-12-2023, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, dư nợ 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 88.368.881 đồng, lãi quá hạn 31.154.718 đồng, tổng nợ 1.619.523.599 đồng; tài khoản vay 404000730674 ngày 21-12-2023, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, dư nợ 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.482.192 đồng, lãi quá hạn 31.037.595 đồng, tổng nợ 1.620.519.787 đồng; tài khoản vay 404000736739 ngày 22-12-2023, số tiền vay 600.000.000 đồng, dư nợ 600.000.000 đồng, lãi trong hạn 35.792.877 đồng, lãi quá hạn 12.368.136 đồng, tổng nợ 648.161.013 đồng.

+ Thẻ tín dụng: tổng nợ 21.283.873 đồng.

Các khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp số 061/2021/16388633/HĐBĐ ngày 26-11-2021.

Trong quá trình vay vốn, ông P và bà Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng theo đúng cam kết trong các hợp đồng tín dụng đã ký, khoản nợ hiện nay đã chuyển quá hạn. Nhiều lần ngân hàng làm việc với ông P, bà Đ và cam kết trả nợ nhưng ông P, bà Đ không thực hiện và cố tình kéo dài thời gian.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông P và bà Đ thực hiện trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền 3.909.488.272 đồng (trong đó: nợ gốc 3.620.000.000 đồng, nợ lãi 289.488.272 đồng) và lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký được tính đến ngày 10-02-2025 và lãi được tiếp tục tính cho đến thời điểm ông P và bà Đ trả hết nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông P và bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Đặng Minh H trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ thực hiện trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền 4.323.221.148 đồng (trong đó: nợ gốc 3.620.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 492.048.529 đồng và lãi quá hạn 211.172.619 đồng) và phải trả toàn bộ lãi phát sinh được tính từ ngày 12-6-2026 đến thời điểm ông P, bà Đ trả hết nợ cho ngân hàng, lãi suất tính theo Hợp đồng tín dụng số 013/2023/16388633/HĐTD ngày 21-02-2023 và hợp đồng số 16388633 ngày 25-7-2023.

Trường hợp ông P và bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Cao Thị Thu Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Bị đơn ông Nguyễn Hữu P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Đức V vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, bà V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 11-6-2026 là 4.323.221.148 đồng (trong đó: nợ gốc 3.620.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 492.048.529 đồng và lãi quá hạn 211.172.619 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng đã ký.

+ Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Cao Thị Thu Đ không trả được số nợ trên hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP Đ1 thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Cao Thị Thu Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hữu P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Đức V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét

xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 13-02-2025 và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 21-02-2023, giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25-7-2023 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Do hợp đồng tín dụng hạn mức các bên thoả thuận thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:*

- Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 013/2023/16388633/HĐTD ngày 21-02-2023 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng cho vay với nguyên đơn để vay số tiền hạn mức tín dụng 4.000.000.000 đồng, dư nợ 3.600.000.000 đồng kèm theo 03 ủy nhiệm chi cùng tháng 12/2023, hợp đồng tín dụng cụ thể số 07.013/2023/16388633/HĐTD, số 08.013/2023/16388633/HĐTD, số 09.013/2023/16388633/HĐTD có chữ ký của bị đơn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi tổng cộng 19.980.570 đồng thì ngưng, dư nợ hiện tại tính đến ngày 11-6-2026 là 3.600.000.000 đồng.

- Căn cứ vào giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25-7-2023 cho thấy bị đơn ông Nguyễn Hữu P ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng với nguyên đơn để vay số tiền 20.000.000 đồng, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng cho ông P, dư nợ tính đến ngày 11-6-2026 là 20.000.000 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng, giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền tổng cộng 3.620.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:*

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 013/2023/16388633/HĐTD ngày 21-02-2023, giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25-7-

2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi suất, trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng hạn mức và giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và đóng tiền lãi đầy đủ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ vào Bảng sao kê dư nợ vay và lãi vay tính đến ngày 11-6-2026, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn 492.048.529 đồng, lãi quá hạn 211.172.619 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

- Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 061/2021/16388633/HĐBĐ ngày 26-11-2021, số công chứng 4930, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C1 tỉnh Vĩnh Long, đăng ký thế chấp ngày 26-11-2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Xét thấy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 061/2021/16388633/HĐBĐ ngày 26-11-2021 được các bên ký kết và công chứng tại Phòng C1 tỉnh Vĩnh Long và đăng ký đảm bảo theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng 3.620.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 492.048.529 đồng, lãi quá hạn 211.172.619 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 4.323.221.148 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* 4.400.000 đồng, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.400.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 299, Điều 317 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ.

Buộc ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số nợ gốc, lãi tính đến ngày 11-6-2026 là 4.323.221.148 đồng (trong đó: nợ gốc 3.620.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 492.048.529 đồng, nợ lãi quá hạn 211.172.619 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ không trả được số nợ trên hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP Đ1 thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 061/2021/16388633/HĐBĐ ngày 26-11-2021, tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 14, diện tích 1525,7m² (đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 361986, số vào sổ cấp GCN: CS17375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 26-10-2020 cho bà Nguyễn Thị L được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Vĩnh Long chỉnh lý biến động sang ông Nguyễn Hữu P vào ngày 10-11-2020.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 329, tờ bản đồ số 14, diện tích 752,2m² (đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 361963, số vào sổ cấp GCN: CS17376 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 26-10-2020 cho bà Nguyễn Thị L được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Vĩnh Long chỉnh lý biến động sang ông Nguyễn Hữu P vào ngày 10-11-2020.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14, diện tích 3266,7m² (đất ở + đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 929196, số vào sổ cấp GCN: CS15968 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 31-12-2019 cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B, tỉnh Vĩnh Long chỉnh lý biến động sang ông Nguyễn Hữu P vào ngày 31-01-2020.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, diện tích 514,3m² (đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 432653, số vào sổ cấp GCN: CS17592 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 07-12-2020 cho ông Nguyễn Hữu P.

- Kể từ ngày 12-6-2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P, bà Cao Thị Thu Đ phải chịu án phí là 112.323.221 đồng (Một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm hai mươi một đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 được nhận lại 55.094.000 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005820 ngày 10-3-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV1- Cần Thơ
- Phòng THADS KV1- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng